

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-11-2018
V/v tranh chấp về ly hôn, tranh
chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiền.
2. Bà Dương Thị Lanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị T**, sinh năm 1997;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Ngô Thái Hạnh Đ**, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình;

- Người làm chứng: Bà Trần Thị T, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có mặt; anh Đ, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2018, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Thái Hạnh Đ tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2016 tại UBND xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh Đ ở thôn T, xã X, huyện V. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ nghiện ma túy, chơi bời, không chịu làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, có lần anh Đ còn có hành động đánh đập vợ. Đến tháng 7/2018, do không thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã B, huyện V ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Gia đình anh Đ có khuyên bảo chị về đoàn tụ nhưng chị không về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên chị làm đơn xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung là Ngô Ngọc Bảo C, sinh ngày 04/02/2016. Khi chị về nhà mẹ đẻ, gia đình anh Đ giữ con chung của anh chị lại, không cho mang theo nên chị không đưa con đi được, hiện nay con vẫn ở với bố và ông bà nội. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện chị đang làm công nhân may, thu nhập bình quân từ 5 triệu đến 6 triệu/01 tháng, nên có điều kiện về kinh tế để nuôi con. Chị đang ở nhà bố mẹ đẻ chị, nên con ở với chị, bố mẹ đẻ chị sẽ có trách nhiệm hỗ trợ chị chăm sóc, nuôi dạy con chung.

Về tài sản: Chị T, anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Tại biên bản xác minh với UBND xã X, huyện V và Biên bản lấy lời khai của người làm chứng là bà Trần Thị T, mẹ đẻ anh Đ thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị T trình bày. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ có nghi ngờ vợ ngoại tình nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, xô xát, trong lúc nóng giận anh Đ có đánh vợ nhưng thời gian đầu vợ chồng đều tự thu xếp, tiếp tục chung sống với nhau được. Đến khoảng tháng 8/2018, mâu thuẫn trở nên căng thẳng. Lý do là anh Đ nghi ngờ chị T có quan hệ với người khác, chị T đã tự ý bỏ nhà về bố mẹ đẻ ở. Gia đình có động viên, khuyên bảo chị T ở nhà để nuôi dạy con cái nhưng chị T

vẫn bỏ đi. Từ đó đến nay vợ chồng anh chị không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nếu chị T cố tình ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà T là mẹ đẻ anh Đ đề nghị Tòa án giao con cho anh Đ nuôi, gia đình bà sẽ có trách nhiệm trong việc chăm sóc cháu. Đại diện chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giao con cho mẹ nuôi để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của cháu vì chị T có điều kiện nuôi con tốt hơn.

Bà T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án, gia đình bà đã giao lại cho anh Đ, anh Đ không có ý kiến gì. Nếu Tòa án gửi giấy tờ về gia đình bà sẽ nhận và có trách nhiệm giao cho anh Đ.

**/*Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án, nhưng không đến Tòa án làm việc để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Ngô Thái Hạng Đ. Giao con chung Ngô Ngọc Bảo C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]Về thẩm quyền: Chị Ngô Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Ngô Thái Hạng Đ và đề nghị giải quyết việc nuôi con khi ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; chị T, anh Đ đều cư trú huyện V, tỉnh Thái Bình, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, được nhận các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì và không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, về tình cảm, anh Đ không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã, đánh cãi nhau. Gia đình hai bên đã động viên, khuyên bảo và hòa giải nhưng không có kết quả, chị T đã bỏ về nhà ngoại ở, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 7/2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ là có thật, đã trầm trọng, cả hai bên đều không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, vợ chồng nếu có đoàn tụ cũng không thể có hạnh phúc nên cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh Đ.

[4] Về quan hệ con chung: Chị T, anh Đ có 01 con chung là Ngô Ngọc Bảo C, sinh ngày 04/02/2016. Cháu C hiện chưa đủ 36 tháng tuổi. Anh Đ không có công ăn việc làm ổn định. Chị T hiện ở gia đình nhà bố mẹ đẻ, đi làm công nhân, thu nhập từ 5 đến 6 triệu đồng/01 tháng, có sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc, trông nom con chung nên chị T có đủ điều kiện nuôi con, cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quan hệ tài sản: Do không có ý kiến của anh Đ về phần tài sản và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Ngô Thái Hạnh Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Ngô Ngọc Bảo C, sinh ngày 04/02/2016 cho chị Ngô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Đ, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Ngô Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003088 ngày 11/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Ngô Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 09/11/2018; anh Ngô Thái Hạnh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương